

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỬ NHÂN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

(kèm theo Quyết định số 2353/QĐ-ĐHSP ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học cử nhân Giáo dục thể chất được điều chỉnh năm 2024 nhằm mục đích phát triển một số ngành đào tạo của Trường Đại học Sư phạm đạt tiêu chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng đào tạo đại học, đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam.

Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục thể chất được kế thừa từ chương trình đào tạo trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục phổ thông năm 2018. Các môn học chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục thể chất đều được giảng dạy bởi các giảng viên có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ của Khoa.

Khoa Thể dục thể thao không ngừng cải tiến và phát triển về cơ sở vật chất cũng như các hoạt động giáo dục và nghiên cứu nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của lĩnh vực Thể dục Thể thao. Khoa đã và đang cung cấp, tạo dựng cho người học môi trường giáo dục toàn diện cả về mặt lý thuyết và thực tế, khuyến khích người học học tập tích cực, chủ động, sáng tạo và hợp tác.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Cử nhân Giáo dục thể chất
Tên chương trình (tiếng Anh)	Physical education
Mã ngành đào tạo:	7140206
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân Giáo dục thể chất
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	120
Hình thức đào tạo:	Chính quy

Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 120 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng. - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ. - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm:	- Giáo viên Giáo dục thể chất của các cơ sở Giáo dục và Đào tạo; Giáo viên dạy môn năng khiếu của trường phổ thông năng khiếu TDTT; - Chuyên viên về lĩnh vực Giáo dục thể chất của Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Phòng Văn hóa và Thông tin; - Làm công chức Văn hoá - xã hội của Xã, Phường, Thị trấn và trong các lực lượng vũ trang; - Làm việc tại các cơ quan, tổ chức nghiên cứu; các Trung tâm, cơ sở kinh doanh và dịch vụ về lĩnh vực TDTT.
Học tập nâng cao trình độ:	Người học sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ ở các ngành phù hợp, các lớp quản lí, huấn luyện viên và trọng tài trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng:	Chương trình cử nhân ngành GDTC Trường Đại học Quy Nhơn Chương trình cử nhân ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 Chương trình đào tạo đại học ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội Chương trình cử nhân ngành GDTC Học viện Thể thao Thượng Hải Trung Quốc
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	Tháng 9/2024

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Thể chất là đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất có trình độ đại học, cán bộ quản lý, chuyên viên phụ trách chuyên môn tại các cơ sở giáo dục, cán bộ làm công tác phong trào tại các cơ quan văn hóa -

TĐTT của cả nước, đặc biệt là khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và các vùng lân cận. Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất tốt; có năng lực chuyên môn vững vàng; năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng với yêu cầu công việc; có năng lực nghiên cứu, tự học, sáng tạo để giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn công tác GDTC và giáo dục đặt ra; tự thích ứng để học tập suốt đời.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1. Có phẩm chất tốt; năng lực chung, chuyên môn vững vàng; có lòng say mê với các hoạt động nghề nghiệp.

PO2. Có kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp, nghiệp vụ sư phạm thuộc khoa học giáo dục và GDTC, thể thao trường học.

PO3. Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục trong dạy học môn GDTC, hoạt động thể thao trường học và giáo dục học sinh.

PO4. Có năng lực xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động GDTC, thể thao trường học và ở địa phương; có kỹ năng tư vấn, hỗ trợ người học.

PO5. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

PO6. Có năng lực giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học trong lĩnh vực GDTC và Thể thao trường học.

PO7. Có năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục, huấn luyện, tổ chức thi đấu và trọng tài;

PO8. Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin, tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

** Kiến thức chung*

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong thực tiễn cuộc sống và công việc.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản của khoa học giáo dục để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục học sinh.

** Kiến thức chuyên môn*

PLO3: Vận dụng được kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và nghiệp vụ sư phạm trong hoạt động chuyên môn ở trường học và hoạt động thể thao cộng đồng.

PLO4: Vận dụng được các kết quả nghiên cứu về khoa học giáo dục và TĐTT vào hoạt động thực tiễn công tác GDTC và Thể thao trường học.

4.2. Kỹ năng

* Kỹ năng chung

PLO5: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO6: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.

PLO7: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

* Kỹ năng chuyên môn

PLO8: Thực hiện và phân tích được kỹ thuật cơ bản của các môn thể thao trong chương trình GDPT;

PLO9: Sử dụng được các phương pháp và kỹ thuật dạy học, phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá trong hoạt động chuyên môn.

PLO10: Xây dựng được các kế hoạch chuyên môn và tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.

PLO11: Sử dụng được kiến thức chuyên môn trong công tác huấn luyện và tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.

PLO12: Phối hợp được với các tổ chức và cá nhân có liên quan trong triển khai công tác chuyên môn; Đề xuất được các giải pháp nâng cao chất lượng công tác GDTC và Thể thao trường học.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO13: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO14: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức				Kỹ năng									NL tự chủ và trách nhiệm
	PLO 1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O1 0	PL O1 1	PL O1 2	PL O1 3	PL O1 4
PO1	x	x	x	x	x								x	
PO2	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x		

PO3		x	x	x				x	x	x	x	x	x	x
PO4					x					x	x	x		x
PO5														x
PO6			x						x					
PO7				x						x	x	x		
PO8						x	x							

6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ các tài liệu liên quan đến công tác giảng dạy như: Chuẩn bị học liệu, đề cương bài giảng, đề cương môn học, ngân hàng câu hỏi phục vụ kiểm tra, đánh giá...

Ngoài ra, giảng viên phải có trách nhiệm đề xuất các thiết bị, dụng cụ, sân bãi phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của các học phần mình đảm nhiệm.

6.1.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Mỗi môn học trong chương trình đều được sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau như: thuyết trình, seminar, bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành, Elearning.

Phương pháp thuyết trình: Được sử dụng đối với phần kiến thức lí thuyết. Mục đích là giúp sinh viên có hiểu biết sâu sắc về những nội dung lí thuyết của học phần.

Phương pháp bài tập: Được sử dụng đối với phần kiến thức bài tập. Mục đích là vận dụng kiến thức môn học vào việc giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến môn học; Rèn luyện kĩ năng tương tác với tập thể; Kĩ năng viết và trình bày bảng. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp seminar, thảo luận: Được sử dụng đối với phần kiến thức seminar, thảo luận. Mục đích là rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ để thuyết trình, trao đổi các nội dung cần thảo luận của môn học. Rèn luyện kĩ năng báo cáo, tự nghiên cứu, tương tác và làm việc theo nhóm. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp thực hành: Được sử dụng đối với các học phần thực hành độc lập hoặc được lồng vào nội dung của môn học. Mục đích là rèn luyện khả năng thực hành các kĩ - chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài cho sinh viên. Ngoài ra,

phương pháp thực hành còn giúp sinh viên kiểm chứng các nội dung lí thuyết của môn học. Từ đó nâng cao năng lực thực hành trong quá trình dạy học và nghiên cứu của sinh viên.

Phương pháp E-learning: Được áp dụng đối với một số môn học. Mục đích là trao quyền chủ động nhất cho người học về không gian, thời gian và kiến thức. Tuy nhiên hình thức dạy học này đòi hỏi sự đầu tư rất lớn ở người thầy, nên mới triển khai được ở một số ít môn học.

6.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm /1 lần để điều chỉnh đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và SGK;

- Trong từng năm học các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi, chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nhằm nâng cao năng lực GV;

- Các học phần của chương trình đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức, trách nhiệm của Thầy/cô giáo.

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Số tín chỉ của học phần	Số điểm đánh giá quá trình			Tổng số
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài	đầu điểm
			kiểm tra định kì	quá trình
2	1	1	1	3
3-4	1	2	2	5

- Trọng số điểm: Đánh giá quá trình 50%; Thi kết thúc học phần 50%

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức giáo dục đại cương 26 tín chỉ	Bắt buộc	26 tín chỉ
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 53 tín chỉ	Bắt buộc	35 tín chỉ
		Tự chọn	18 tín chỉ
3.	Kiến thức nghiệp vụ Sư phạm 35 tín chỉ	Bắt buộc	23 tín chỉ
		Tự chọn	12 tín chỉ
4.		Khoá luận	6 tín chỉ

	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, 6 tín chỉ	Tự chọn	6 tín chỉ
Tổng số			120

Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 11 học phần bắt buộc. Khối kiến thức chung được xác định theo quy định chung của Bộ Chính trị. Khối kiến thức này cung cấp những kiến thức về phương pháp luận, từ đó vận dụng các quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cũng như kiến thức pháp luật và giúp sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ.

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành), gồm 11 học phần bắt buộc và 15 học phần tự chọn. Khối kiến thức cơ sở ngành giúp cung cấp những kiến thức hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành; Khối kiến thức ngành cung cấp cho người học các kiến thức chuyên môn vững vàng.

Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, gồm 8 học phần bắt buộc và 11 học phần tự chọn. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm giúp cung cấp các kiến thức nghiệp vụ sư phạm và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

Khoá luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, gồm Khóa luận tốt nghiệp và 06 học phần tự chọn. Các học phần thay thế khóa luận và khóa luận tốt nghiệp giúp cung cấp kiến thức cho sinh viên trước khi ra trường và nâng cao khả năng giảng dạy, thực hành trong lĩnh vực GDTC.

2. Danh sách các học phần

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
1. Kiến thức giáo dục đại cương			26
1.	59SPH131	Triết học Mác - Lênin	3
2.	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
3.	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4.	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5.	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6.	59GEL121	Pháp luật đại cương	2
7.	59ENG131	Tiếng Anh 1	3
8.	59ENG132	Tiếng Anh 2	3
9.	59ENG143	Tiếng Anh 3	4
10.	59GIF131	Tin học đại cương	3
11.	59MIE131	Giáo dục quốc phòng	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			53

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			13
2.1.1. Các học phần bắt buộc			10
12.	59APS241	Giải phẫu và Sinh lý TĐTT	4
13.	59SMC231	Vệ sinh và Y học TĐTT	3
14.	59SRM231	Phương pháp NCKH và Đo lường TT	3
2.1.2. Các học phần tự chọn			3
15.	59SBC231	Sinh hóa học TĐTT	3
16.	59BBS231	Sinh cơ học TĐTT	3
17.	59SPL231	Tâm lý học TĐTT	3
2.2. Kiến thức ngành			40
2.2.1. Các học phần bắt buộc			25
18.	59ATH341	Điền kinh 1	4
19.	59GYM331	Thể dục 1	3
20.	59FBA331	Bóng đá	3
21.	59VLB331	Bóng chuyền	3
22.	59BKB331	Bóng rổ	3
23.	59BMT331	Cầu lông	3
24.	59SSC331	Đá cầu	3
25.	59SWM331	Bơi	3
2.2.2. Các học phần tự chọn (chọn 5/12 học phần)			15
26.	59NTS331	Thể thao dân tộc	3
27.	59ATH332	Điền kinh 2	3
28.	59GYM332	Thể dục 2	3
29.	59TEI331	Quần vợt	3
30.	59KRT331	Karate	3
31.	59TWD331	Teakwondo	3
32.	59VVN331	Vovinam	3
33.	59PLB331	Pickleball	3
34.	59SGA331	Trò chơi vận động	3
35.	59CHE331	Cờ vua	3
36.	59GNT331	Âm nhạc vũ đạo	3
37.	59TTE331	Bóng bàn	3
3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			35
3.1. Các học phần bắt buộc			23
38.	59EPS431	Tâm lý học giáo dục	3

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
39.	59PEP431	Giáo dục học	3
40.	59STM431	Lý luận và phương pháp GDTC	3
41.	59MPE431	Phương pháp dạy học môn GDTC trong trường phổ thông	3
42.	59ASF431	Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở	3
43.	59COS431	Giao tiếp sư phạm	3
44.	59TRA421	Thực tập Sư phạm 1	2
45.	59TRA432	Thực tập Sư phạm 2	3
3.2. Các học phần tự chọn (chọn 4/11 học phần)			12
46.	59VLB432	Bóng chuyền nâng cao	3
47.	59FBA432	Bóng đá nâng cao	3
48.	59BKB432	Bóng rổ nâng cao	3
49.	59SWM432	Bơi nâng cao	3
50.	59BMT432	Cầu lông nâng cao	3
51.	59SSC432	Đá cầu nâng cao	3
52.	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp	3
53.	59TWD432	Teakwondo nâng cao	3
54.	59KRT432	Karate nâng cao	3
55.	59VVN432	Vovinam nâng cao	3
56.	59ATH433	Điền kinh 3	3
4. Khoá luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6
4.1. Khoá luận tốt nghiệp			6
57.	59GTP904	Khoá luận tốt nghiệp	6
4.2. Các học phần thay thế KLTN (chọn 2/6 học phần)			6
Tự chọn			
58.	59STM901	Phương pháp huấn luyện Thể thao	3
59.	59SMG901	Quản lý TDTT	3
60.	59APE901	Đánh giá trong GDTC	3
61.	59SCC901	Giáo dục học TDTT	3
62.	59SHT901	Lịch sử TDTT	3
63.	59DCP901	Phát triển chương trình GDTC	3
Tổng cộng			120

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Triết học Mác - Lênin	59SPH131	3	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	59SPE121	2
Tiếng Anh 1	59ENG131	3	Tiếng Anh 2	59ENG132	3
Tin học đại cương	59GIF131	3	Giải phẫu và Sinh lý TĐTT	59APS231	4
Điền kinh 1	59ATH341	4	Phương pháp NCKH và Đo lường TT	59SRM231	3
Tâm lý học giáo dục	59EPS431	3	Thể dục 1	59GYM331	3
			Bóng đá	59FBA331	3
Tự chọn			Tự chọn		
Tổng tín chỉ		16	Tổng tín chỉ		18

Năm thứ hai



Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Chủ nghĩa xã hội khoa học	59SSO121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	59HCM121	2
Tiếng Anh 3	59ENG143	4	Bóng chuyền	59VLB331	3
Vệ sinh và Y học TĐTT	59SMC231	3	Đá cầu	59SSC331	3
Bóng rổ	59BKB331	3	Giáo dục học	59PEP431	3
Cầu lông	59BMT331	3			
Tự chọn			Tự chọn		
			Sinh hóa học TĐTT	59SBC231	3
			Sinh cơ học TĐTT	59BBS231	3
			Tâm lý học TĐTT	59SPL901	3
			Karate	59KRT331	3
			Teakwondo	59TWD331	3
			Vovinam	59VVN331	3
			Pickleball	59PLB331	3
Tổng tín chỉ		15	Tổng tín chỉ		17

Năm thứ ba



Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	59HPV121	2	Pháp luật đại cương	59GEL121	2
Lý luận và phương pháp GDTC	59STM431	3	Boi	59SWM331	3
Giao tiếp sư phạm	59COS431	3	Trò chơi vận động	59SGA331	3
			Thực tập Sư phạm 1	59TRA421	2
Tự chọn			Tự chọn		
Thể thao dân tộc	59NTS331	3	Cờ vua		3
Điền kinh 2	59ATH332	3	Âm nhạc vũ đạo		3
Thể dục 2	59GYM332	3	Bóng bàn		3
Quần vợt	59TEI331	3	Teakwondo nâng cao		3
			Karate nâng cao		3
			Vovinam nâng cao		3
			Điền kinh 3		3
Tổng tín chỉ		14	Tổng tín chỉ		16

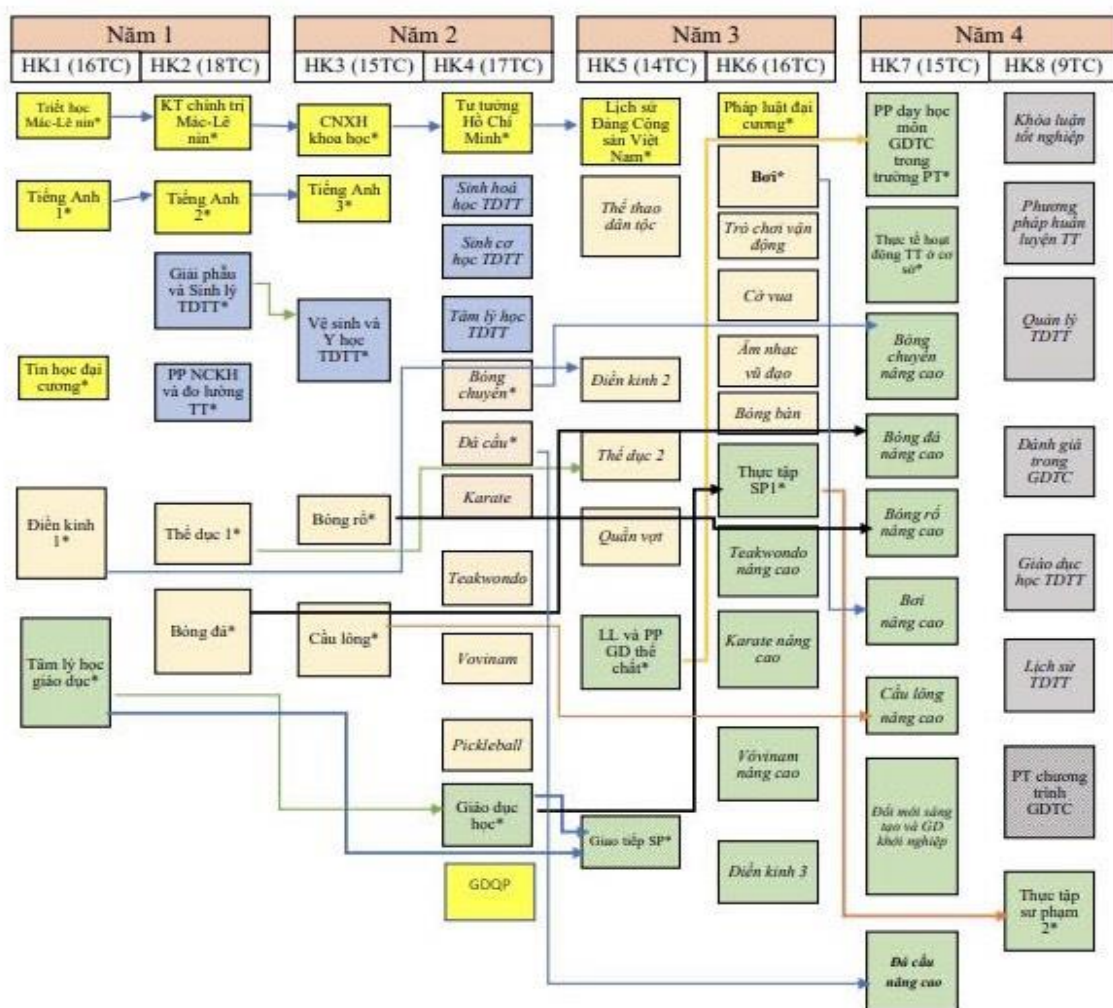
Năm thứ tư

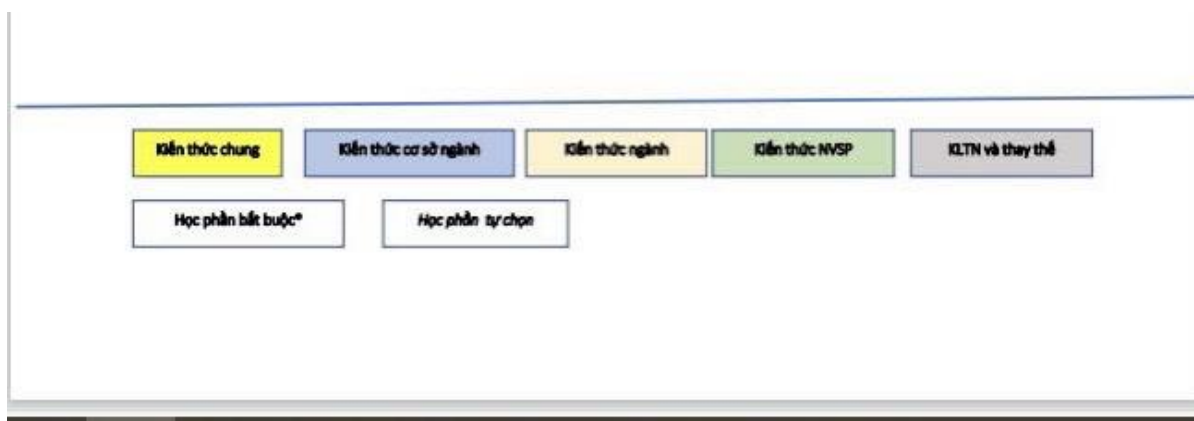


Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Phương pháp dạy học môn GDTC trong trường phổ thông	59MPE431	3	Thực tập Sư phạm 2	59TRA432	3
Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở	59ASF431	3			
Tự chọn			Tự chọn		
Bóng chuyền nâng cao	59VLB432	3	Khoá luận tốt nghiệp	59GTP904	6
Bóng đá nâng cao	59FBA432	3	Phương pháp huấn luyện Thể thao	59STM901	3

Bóng rổ nâng cao	59BKB432	3	Quản lý TDTT	59SMG901	3
Bơi nâng cao	59SWM432	3	Đánh giá trong GDTC	59APE901	3
Cầu lông nâng cao	59BMT432	3	Giáo dục học TDTT	59SCC901	3
Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp	59IEE431	3	Lịch sử TDTT	59SHT901	3
Đá cầu nâng cao	59SSC432		Phát triển chương trình GDTC	59DCP231	3
Tổng tín chỉ		15	Tổng tín chỉ		9

* Sơ đồ lộ trình giảng dạy các học phần





4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình;

3= Đóng góp mức cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn		Kĩ năng chung			Kĩ năng chuyên môn					Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Khối kiến thức Chung	1	1	0	0	2	1	1	0	0	1	0	1	1	2
Cơ sở ngành	0	0	3	2	1	1	0	0	1	2	1	1	1	2
Khối kiến thức ngành	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
NVSP	1	1	2	1	2	1	0	2	1	1	1	1	1	2
TT KLTN	0	0	1	2	1	0	0	0	1	1	1	1	0	2

5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Đóng góp không rõ ràng; 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình;

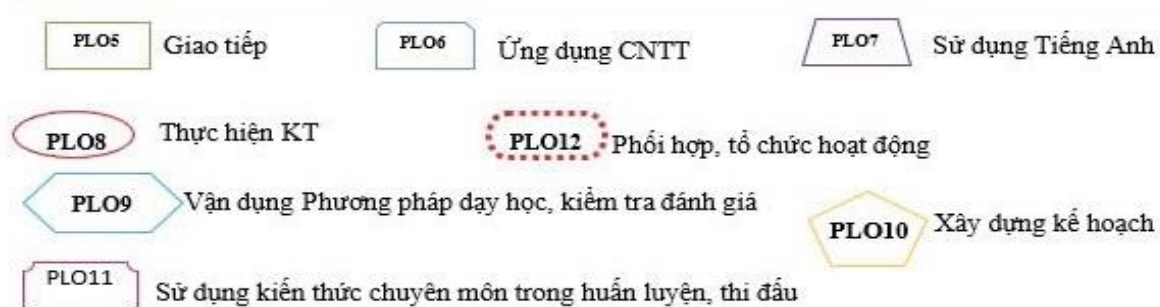
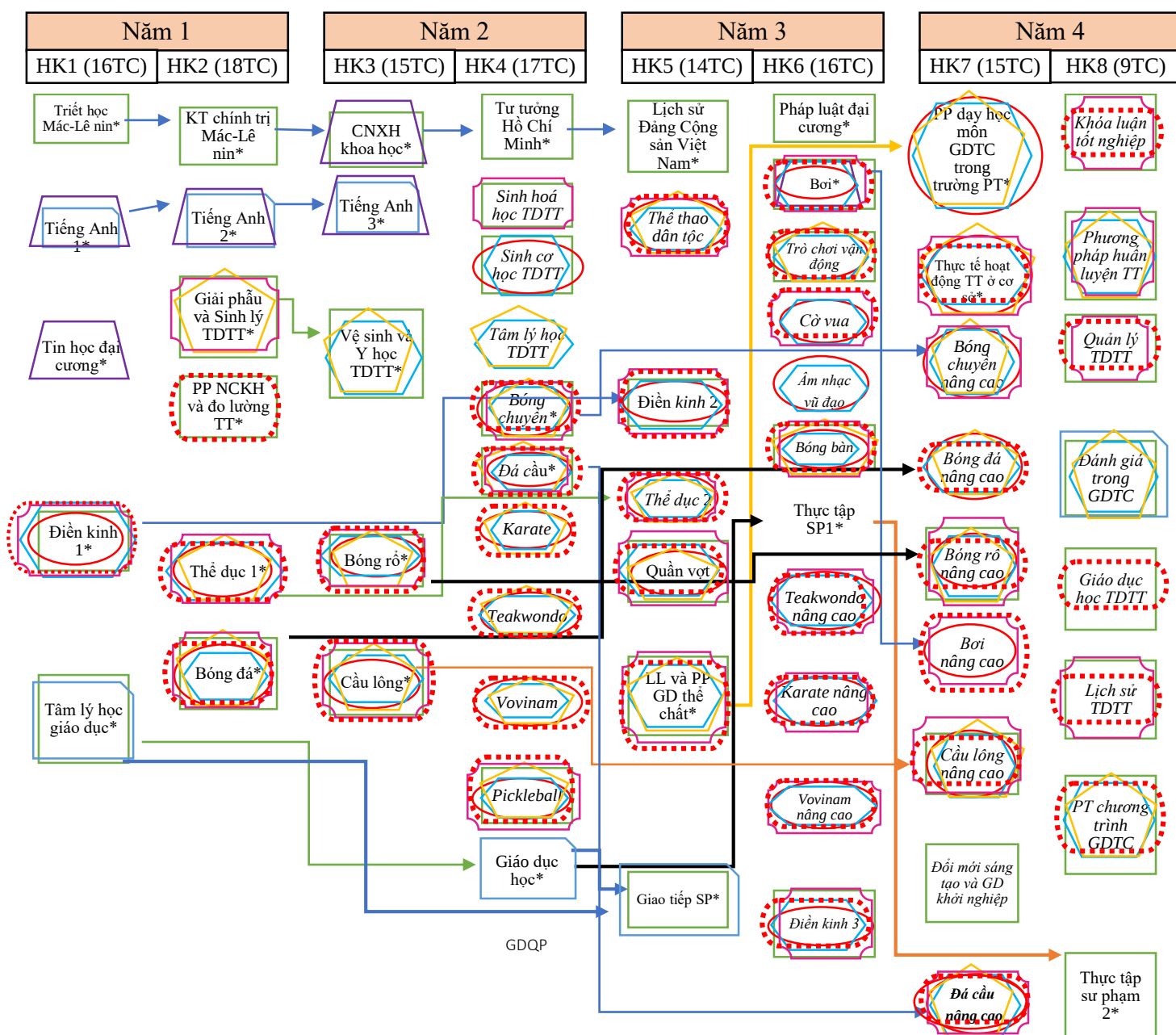
3= Đóng góp mức cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo				
	Kiến thức chung	Kiến thức chuyên môn	Kĩ năng chung	Kĩ năng chuyên môn	Năng lực tự chủ và trách nhiệm

	P L O 1	PL O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	PL O 6	P L O 7	P L O 8	PL O9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13	PL O1 4
Triết học Mác - Lênin	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	2	3
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	0	0	0	3	0	1	0	0	0	0	0	1	3
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	2
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	2	3
Pháp luật đại cương	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1
Tiếng Anh 1	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	0	2
Tiếng Anh 2	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	0	2
Tiếng Anh 3	2	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	0
Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2
Giáo dục quốc phòng														
Giải phẫu và Sinh lý TĐTT	0	0	2	1	1	0	0	0	0	2	2	0	0	1
Vệ sinh và Y học TĐTT	0	0	3	2	1	0	0	0	2	2	0	0	0	2
Phương pháp NCKH và Đo lường TT	0	0	2	3	1	0	0	0	0	0	0	2	0	2
Sinh hóa học TĐTT	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1
Sinh cơ học TĐTT	0	0	2	2	1	0	0	2	1	0	0	0	0	1
Tâm lý học TĐTT	0	1	0	2	0	0	0	0	2	1	0	0	0	2
Điền kinh 1	0	0	2	0	1	0	0	3	1	0	1	2	0	1
Thể dục 1	0	0	3	0	0	0	0	2	2	1	1	1	0	1
Bóng đá	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Bóng chuyền	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Bóng rổ	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Cầu lông	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Đá cầu	0	0	2	0	1	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Bơi	0	0	2	2	1	0	1	3	3	2	1	1	0	1
Thể thao dân tộc	0	0	2	1	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
Điền kinh 2	0	0	2	0	1	0	0	3	1	0	1	2	0	1
Thể dục 2	0	0	1	0	0	0	0	3	3	1	2	2	0	1
Quần vợt	0	0	2	0	2	0	0	3	2	2	2	1	0	1
Karate	0	0	2	0	0	0	0	3	2	1	0	1	0	1
Teakwondo	0	0	2	0	0	0	0	3	2	1	0	1	0	1
Vovinam	0	0	2	0	0	0	0	3	2	1	0	1	0	1
Pickleball	0	0	2	0	2	0	0	3	1	2	1	1	0	1
Trò chơi vận động	0	0	2	2	1	0	0	3	1	1	1	1	0	2
Cờ vua	0	0	2	0	0	0	0	3	2	1	1	1	0	1
Âm nhạc vũ đạo	0	0	3	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	1
Bóng bàn	0	0	2	0	1	0	0	3	1	2	1	1	0	1
Tâm lý học giáo dục	0	3	0	0	2	3	0	0	0	0	0	0	1	1
Giáo dục học	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	2

Lý luận và phương pháp GDTC	0	0	3	3	1	0	0	0	1	2	1	1	0	1
Phương pháp dạy học môn GDTC trong trường phổ thông	0	3	3	1	0	0	0	0	3	3	0	0	0	1
Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở	0	0	2	2	1	0	0	1	1	2	2	1	0	2
Giao tiếp sư phạm	0	3	0	0	3	1	0	0	0	0	0	0	3	3
Thực tập Sư phạm 1	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
Thực tập Sư phạm 2	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3
Bóng chuyền nâng cao	0	0	2	2	0	0	0	3	1	1	2	2	0	1
Bóng đá nâng cao	0	0	2	2	0	0	0	3	1	1	2	2	0	1
Bóng rổ nâng cao	0	0	2	2	2	0	0	2	3	3	1	1	0	2
Bơi nâng cao	0	0	2	2	0	0	0	3	0	0	2	1	0	1
Cầu lông nâng cao	0	0	2	0	2	0	0	3	2	2	3	1	0	1
Đá cầu nâng cao	0	0	2	2	0	0	0	2	1	1	2	2	0	1
Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp	0	3	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2
Teakwondo nâng cao	0	0	1	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	1
Karate nâng cao	0	0	1	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	1
Vovinam nâng cao	0	0	1	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	1
Điền kinh 3	0	0	2	0	1	0	0	3	1	0	1	2	0	1
Khoá luận tốt nghiệp	0	1	0	2	1	0	0	2	2	2	2	2	0	2
Phương pháp huấn luyện Thể thao	0	1	0	2	1	0	0	0	1	1	1	0	0	2
Quản lý TDTT	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	1	2	0	2
Đánh giá trong GDTC	0	0	2	0	1	2	0	0	2	1	0	0	0	1
Giáo dục học TDTT	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	0	2	0	2
Lịch sử TDTT	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	2
Phát triển chương trình GDTC	0	0	3	0	1	0	0	0	2	1	0	1	0	1

*** Ma trận phát triển kỹ năng**



Học phần bắt buộc*

Học phần tự chọn

6. Mô tả tóm tắt các học phần

6.1. 59SPH131, *Triết học Mác – Lênin (3 tín chỉ)*

Học phần cung cấp các kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin (chương 1); những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; các nguyên lý, quy luật, phạm trù của phép biện chứng duy vật; vấn đề lý luận nhận thức (chương 2). Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử như: học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học Mác – Lênin (chương 3).

6.2. 59SPE121, *Kinh tế chính trị Mác – Lênin (3 tín chỉ)*

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ sở, nền tảng tư tưởng cho người học là lý luận kinh tế chính trị của Các Mác, Ph.Ăngghen và Lênin về sản xuất hàng hoá và thị trường; về nguồn gốc, bản chất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần còn định hướng người học tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

6.3. 59SSO121, *Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)*

Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

6.4. 59HCM121, *Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư

tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

6.5. 59HPV121, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018, cụ thể: Từ 1930 đến 1945, nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; từ 1945 đến 2018, nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, học phân khái quát các bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay

6.6. 59GEL121, Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

6.7. 59ENG131, Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ)

Môn **Tiếng Anh 1** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn học **Tiếng Anh 1** cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thử thách để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học Spark và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.8. 59ENG132, Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

Môn **Tiếng Anh 2** là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn **Tiếng Anh 2** trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có “to”, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết thư thân mật.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.9. 59ENG143, Tiếng Anh 3 (4 tín chỉ)

Môn **Tiếng Anh 3** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần **tiếng Anh 3** tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi *-ing* và đuôi *-ed*; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

6.10. 59GIF131, Tin học đại cương (3 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về:

Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành.

Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word.

Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel.

Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint.

Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

6.11. 59MIE131, Giáo dục quốc phòng

6.12. 59APS241, Giải phẫu và Sinh lý TDTT (4 tín chỉ)

Học phần giải phẫu và sinh lý học thể dục thể thao người cung cấp cho sinh viên chuyên ngành thể dục thể thao kiến thức về đại cương môn học, các nguyên tắc hoạt động của cơ thể người và các chức phận có liên quan. Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về các chi tiết giải phẫu chính của các thành phần thuộc hệ thống các cơ quan trong cơ thể: cơ quan vận động (hệ xương khớp, hệ cơ), hệ thần kinh, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, sinh dục. Những quan điểm về cơ chế sinh lý của việc hình thành kỹ năng vận động và phát triển các tố chất vận động. Tác dụng của tập luyện thể dục thể thao đối với tất cả các cơ quan của cơ thể và tăng cường được khả năng thích nghi của chúng với điều kiện sống khác nhau.

Các kiến thức tổng hợp của cơ thể con người sẽ đạt được với các buổi thực hành, bao gồm các nghiên cứu về một số hệ cơ quan trong cơ thể người. Đồng thời, môn học này còn là bộ phận kiến thức cần thiết cho việc tiếp thu kiến thức các môn học khác như sinh hóa học thể dục thể thao, y học thể dục thể thao ... cũng như ứng dụng trong phân tích kỹ thuật bài tập thể chất.

6.13. 59SMC231, Vệ sinh và Y học TDTT (3 tín chỉ)

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về vệ sinh chung, vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường, vệ sinh học đường và vệ sinh trong tập luyện TDTT. Tìm hiểu về đặc điểm hình thái chức năng, phát triển thể chất nhằm đánh giá về thể lực và sức khỏe con người. Từ những kiến thức đã học sinh viên biết phòng tránh,

chấn thương, bệnh lý và bước đầu biết xử lý các trường hợp chấn thương và bệnh lý thường gặp trong tập luyện và thi đấu TDTT.

6.14. 59SRM231, Phương pháp NCKH và Đo lường TT (3 tín chỉ)

Môn học Phương pháp NCKH và Đo lường TT nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TDTT phù hợp với xu thế phát triển của khoa học hiện đại trên cơ sở tích lũy những kinh nghiệm thực tiễn của công tác thể dục thể thao nước ta. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị cho người học những kiến thức khái quát về đo lường TT; cơ sở lý luận của test; Phương pháp đánh giá trong đo lường TT. Thông qua môn học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề về lý luận vào thực tiễn quá trình giảng dạy, huấn luyện và NCKH trong lĩnh vực TDTT.

6.15. 59SBC231, Sinh hóa học TDTT (3 tín chỉ)

Sinh hóa học Thể dục thể thao là môn khoa học cung cấp cho người học những hiểu biết về thành phần các chất trong cơ thể sống và sự chuyển hóa các chất trong cơ thể, bên cạnh đó còn trang bị cho người học các quy luật sinh hóa của quá trình phát triển thể thât và huấn luyện thể thao. Môn học phản ánh một cách chung nhất những phản ứng sinh hóa diễn ra tại các cơ quan, các mô của cơ thể. Thông qua môn học giúp người học ứng dụng rộng rãi kiến thức của môn học trong quá trình dạy học môn Giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao.

6.16. 59BBS231, Sinh cơ học TDTT (3 tín chỉ)

Học phần Sinh cơ học Thể dục thể thao góp phần trang bị cho người học mối liên hệ giữa khoa học vận động của các bộ phận cơ thể con người với kiến thức động lực học, nhằm mục đích tối ưu hóa kỹ thuật thực hiện động tác trong quá trình tập luyện, thi đấu và lao động sản xuất. Từ đó giúp người học ứng dụng rộng rãi kiến thức của môn học trong quá trình giảng dạy môn Giáo dục thể chất, nghiên cứu và huấn luyện thể thao.

6.17. 59SPL901, Tâm lý học TDTT (3 tín chỉ)

Tâm lý học TDTT là một lĩnh vực chuyên ngành của khoa học tâm lý, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở của đặc điểm tâm lý của con người khi tham gia những hoạt động TDTT; Đặc điểm tâm lý của công tác giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đây chính là cơ sở khoa học để huấn luyện viên, giáo viên vận

dụng trong việc điều chỉnh tâm lý của học sinh và vận động viên nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục học sinh, vận động viên.

6.18. 59ATH341, Điền kinh 1 (3 tín chỉ)

Học phần Điền kinh 1 trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Điền kinh 1. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất sức bền tốc độ, nhanh, mạnh, khả năng phối hợp vận động và là nền tảng thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.19. 59GYM331, Thể dục 1 (3 tín chỉ)

Thể dục 1 (Đội hình đội ngũ, thể dục cơ bản) là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục thể chất. Môn học này bao gồm các nội dung quan trọng sau: Các kỹ thuật cơ bản về đội ngũ, các bài tập về đội hình, các bài tập thể dục cơ bản, phương pháp kiểm tra đánh giá môn học. Thông qua môn học giúp người học bồi dưỡng tư thế thân thể đúng, chính xác thực hiện động tác thể dục thể thao, đồng thời rèn tính tổ chức kỷ luật, tính tập thể để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.20. 59FBA331, Bóng đá (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của bóng đá với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng đá.

6.21. 59VLB331, Bóng chuyền (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của bóng chuyền với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng chuyền.

6.22. 59BKB331, Bóng rổ (3 tín chỉ)

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bóng rổ; Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

6.23. 59BMT331, Cầu lông (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ chiến - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Cầu Lông. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.24. 59SSC331, Đá cầu (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của Đá cầu với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Đá cầu, Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

6.25. 59SWM331, Bơi (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn Bơi đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy; phương pháp phòng, chống đuối nước, phương pháp kiểm tra, đánh giá; Luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bơi.

6.26. 59NST331, Thể thao dân tộc (3 tín chỉ)

Môn Thể thao dân tộc trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của các môn Thể thao dân tộc.

6.27. 59ATH332, Điền kinh 2 (3 tín chỉ)

Điền kinh 2 (nhảy xa kiểu ưỡn thân, nhảy cao kiểu úp bụng) là môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đồng thời Điền kinh 2 còn là nội dung học chủ yếu đối với sinh viên các trường Cao đẳng và Đại học Thể dục thể thao. Học phần Điền kinh 2 trang bị cho người học những kiến thức chung về khái niệm, sơ lược lịch sử, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của các nội dung trong môn Điền kinh 2. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất sức nhanh, mạnh và nền tảng thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.28. 59GYM332, Thể dục 2 (3 tín chỉ)

Thể dục 2 (Thể dục Aerobic) là môn học tự chọn nằm trong khối kiến thức ngành trong CTĐT Cử nhân Giáo dục thể chất. Môn học này bao gồm các nội dung chính sau: Khái quát chung về thể dục Aerobic; Các kỹ thuật cơ bản của thể dục Aerobic; Phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá môn học; Phương pháp biên soạn bài thể dục Aerobic; Phương pháp huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài môn thể dục Aerobic.

6.29. 59TEI,331, Quần vợt (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ chiến - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Quần vợt. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.30. 59 KRT331, Karate (3 tín chỉ)

Với sự phát triển rộng rãi phong trào tập luyện Karate trong các trường học hiện nay, việc trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Thể chất những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn Karate nhằm đáp ứng nhu cầu từ thực tiễn trên là rất cần thiết. Học phần Karate gồm phần Lý thuyết (lịch sử phát triển, sơ lược môn Karate, phương pháp dạy

học, kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu,...) và Phần thực hành (tấn pháp, kỹ thuật đòn tay và đòn chân; tam thế đối luyện, quyền pháp; phương pháp tổ chức thi đấu,...).

6.31. 59TWD331, Taekwondo (3 tín chỉ)

Với sự phát triển rộng rãi phong trào tập luyện Taekwondo trong các trường học hiện nay, việc trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Thể chất những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn Taekwondo nhằm đáp ứng nhu cầu từ thực tiễn trên là rất cần thiết. Học phần Taekwondo gồm phần Lý thuyết (lịch sử phát triển, sơ lược môn Taekwondo, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu,...) và Phần thực hành (tấn pháp, kỹ thuật đòn tay và đòn chân; tam thế đối luyện; quyền pháp; phương pháp tổ chức thi đấu,...).

6.32. 59VVN331, Vovinam (3 tín chỉ)

Với sự phát triển rộng rãi phong trào tập luyện Vovinam trong các trường học hiện nay, việc trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Thể chất những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn Vovinam nhằm đáp ứng nhu cầu từ thực tiễn trên là rất cần thiết. Học phần Vovinam gồm phần Lý thuyết (lịch sử phát triển, sơ lược môn Vovinam, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu,...) và Phần thực hành (tấn pháp, kỹ thuật đòn tay và đòn chân; khóa gỡ căn bản; phản đòn căn bản; quyền pháp; phương pháp tổ chức thi đấu,...).

6.33. 59PLB331, Pickleball (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của Pickleball với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản của một số kỹ thuật, phương pháp dạy học; huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Pickleball.

6.34. 59SGA331, Trò chơi vận động (3 tín chỉ)

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về môn Trò chơi vận động như: Sơ lược lịch sử, ý nghĩa và tác dụng của môn học. Thông qua môn học sinh viên có thể phân tích được phương pháp tổ chức các trò chơi vận động, cách thức biên soạn, đánh giá và sáng tác và tổ chức được trò chơi phù hợp với đối tượng và năng lực vận động. Hình thành được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm. Môn học trò chơi góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong cho sinh viên và tạo điều kiện cho học tập các môn thể thao.

6.35. 59CHE331, Cờ vua (3 tín chỉ)

Cờ vua là môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc lịch sử phát triển, đặc điểm tác dụng khi tập luyện môn cờ vua, xu hướng phát triển môn cờ vua trên thế giới và ở Việt Nam, các thông tin quy ước; phương pháp nghiên cứu ván đấu qua các giai đoạn, cách đánh giá thế trận, phân tích lập kế hoạch cho từng ván đấu; những kiến thức lý luận về phương pháp giảng dạy, tập luyện, phương pháp thi đấu và trọng tài cờ vua.

6.36. 59GNT331, Âm nhạc vũ đạo (3 tín chỉ)

Âm nhạc vũ đạo là môn học tự chọn nằm trong khối kiến thức ngành trong CTĐT Cử nhân Giáo dục thể chất. Âm nhạc vũ đạo có thể được coi là một phương tiện hữu hiệu để rèn luyện và củng cố sức khỏe, phát triển tố chất thể lực cho người tập. Điều đặc biệt ở Âm nhạc vũ đạo là hình thức tập luyện hấp dẫn, có thể lựa chọn được nhiều vũ hình vào bài tập mà người học yêu thích, đồng thời đáp ứng được nhu cầu khỏe, đẹp của các em sinh viên. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên các nội dung chính sau: Khái quát chung về các vũ điệu; Các bước cơ bản của các vũ điệu trong Âm nhạc vũ đạo; Phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá môn học; Phương pháp biên soạn, phương pháp huấn luyện môn Âm nhạc vũ đạo.

6.37. 59TTE331, Bóng bàn (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ chiến - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bóng bàn. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.38. 59EPS431, Tâm lý học giáo dục (3 tín chỉ)

Học phần Tâm lý học giáo dục là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức cơ sở, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học giáo dục như: bản chất, chức năng, các hiện tượng tâm lý người; đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em ở từng thời kỳ lứa tuổi; cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục

đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về các nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý trong trường học để vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn tâm lý.

6.39. 59PEP431, Giáo dục học (3 tín chỉ)

Giáo dục học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần đề cập đến: những vấn đề chung của giáo dục học, lý luận dạy học, lý luận giáo dục, những yêu cầu về nhân cách của người giáo viên trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0. Học phần có mối quan hệ với các môn Tâm lý học giáo dục, giao tiếp sư phạm, phương pháp dạy học bộ môn... góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp cho người giáo viên tương lai.

6.40. 59STM431, Lý luận và phương pháp GDTC (3 tín chỉ)

Học phần Lý luận và phương pháp GDTC trang bị cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về TĐTT; bản chất, chức năng cơ bản của TĐTT; Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc chung của TĐTT; Các phương tiện GDTC; Các phương pháp GDTC; Các nguyên tắc về phương pháp GDTC; Các hình thức tổ chức giờ thể dục; Những đặc điểm cơ bản của phương pháp giảng dạy động tác và phương pháp giáo dục các tố chất thể lực; Kết thúc học phần, người học có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy, huấn luyện và nghiên cứu khoa học.

6.41. 59MPE431, Phương pháp dạy học môn GDTC trong Trường phổ thông (3 tín chỉ)

Phương pháp dạy học môn Giáo dục thể chất trong trường phổ thông trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về việc lựa chọn, sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học và xây dựng kế hoạch bài dạy môn Giáo dục thể chất. Qua môn học này giúp người học có khả năng phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn để lựa chọn phương pháp, xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức hoạt động dạy học môn Giáo dục thể chất cho học sinh.

6.42. 59ASF431, Thực tế hoạt động Thể thao ở cơ sở (3 tín chỉ)

Môn học tạo môi trường thực tế về chuyên môn cho sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên ngành và kiến thức nghiệp vụ sư phạm đã học trong lý thuyết để lập kế hoạch tổ chức và quản lý các hoạt động học tập, trải nghiệm và rèn luyện của sinh viên trong thực tiễn ở cơ sở; từ đó, nâng cao kiến thức đã học, kết hợp giữa lý luận và thực

tế, học đi đôi với hành; rèn luyện các kỹ năng, kỷ luật tập thể. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng quan sát, khai thác, xử lý số liệu, viết báo cáo thu hoạch, cách thức tổ chức tập luyện các môn thể thao. Thông qua việc nghiên cứu, tham quan và học tập tại các cơ sở, sinh viên được trang bị kiến thức thực tế phục vụ cho nghiên cứu chuyên ngành, đồng thời bồi dưỡng lòng yêu nghề nghiệp thông qua thực tiễn trải nghiệm.

6.43. 59COS431, *Giao tiếp Sư phạm (3 tín chỉ)*

Học phần Giao tiếp sư phạm là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức nghiệp vụ, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: các giai đoạn của quá trình giao tiếp; nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm, quy tắc ứng xử trong trường học.... Từ đó hình thành ở người học những kỹ năng, thái độ tương ứng để xử lý có hiệu quả các tình huống giao tiếp trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh đa văn hóa và công nghệ số.

6.44. 59TRA421, *Thực tập Sư phạm 1 (2 tín chỉ)*

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 1 nhằm giúp người học hiểu được thực tế giáo dục, tiếp xúc với học sinh và giáo viên các cơ sở thực tập, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp; hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn, có được những kỹ năng ban đầu về công tác chủ nhiệm lớp.

6.45. 59TRA432, *Thực tập Sư phạm 2 (3 tín chỉ)*

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 2 nhằm giúp người học hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có những kỹ năng có bản về soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập của học sinh; có thể lên lớp giảng bài và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập.

6.46. 59VLB432, *Bóng chuyền nâng cao (3 tín chỉ)*

Môn học này giúp người học củng cố và nâng cao những kỹ thuật đã học. Trang bị những kỹ năng thực hành các kỹ thuật khó trong bóng chuyền. Trang bị những kiến thức và kỹ năng về chiến thuật trong thi đấu bóng chuyền; Phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài bóng chuyền; Trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp tuyển chọn và huấn luyện bóng chuyền.

6.47. 59FBA432, Bóng đá nâng cao (3 tín chỉ)

Môn học này giúp người học củng cố và nâng cao những kỹ thuật đã học (như đá bóng bằng cạnh trong, mu trong, mu ngoài bàn chân...); Trang bị những kỹ năng thực hành các kỹ thuật nâng cao trong bóng đá như volley, kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân, kỹ thuật đánh đầu bằng trán bên ..., Trang bị những kiến thức và kỹ năng về chiến thuật trong thi đấu bóng đá; Phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài bóng đá; Trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp tuyển chọn và huấn luyện bóng đá.

6.48. 59BKB432, Bóng rổ nâng cao (3 tín chỉ)

Củng cố và nâng cao những kỹ thuật đã học; Trang bị những kỹ năng thực hành các kỹ thuật khó trong Bóng rổ như: Nhảy ném rổ, hai bước lên rổ, kỹ thuật đột phá qua người...; Trang bị kiến thức và kỹ năng về chiến thuật trong thi đấu Bóng rổ; Trang bị phương pháp và năng lực tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài Bóng rổ.

6.49. 59SWM432, Bơi nâng cao (3 tín chỉ)

Môn học này giúp người học củng cố và nâng cao những kỹ thuật đã học; Trang bị những kỹ năng thực hành các kỹ thuật khó trong Bơi ếch và Bơi trườn sấp thi đấu như: kỹ thuật sóng thân, đẩy hông, kỹ thuật đạp chân hepgia tăng tốc độ, kỹ thuật tay thở nâng cao trong Bơi ếch, kỹ thuật phối hợp tay gia tăng tốc độ trong Bơi trườn sấp, kỹ thuật xuất phát bám bục, xuất phát kiểu lượn nước khi thi đấu....Hình thành một số kỹ thuật cơ bản về tay, chân, thân người trong kiểu Bơi bướm cơ bản. Nâng cao năng lực tổ chức giảng dạy, huấn luyện, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bơi.

6.50. 59BMT432, Cầu lông nâng cao (3 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ chiến - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Cầu Lông Nâng Cao. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác..

6.51. 59SSC432, Đá cầu nâng cao (3 tín chỉ)

Môn học này giúp người học củng cố và nâng cao những kỹ thuật đã học; Trang bị những kỹ năng thực hành các kỹ thuật khó trong đá cầu như cú cầu, bạt cầu, đẩy cầu..., Nâng cao năng lực tổ chức giảng dạy, huấn luyện, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Đá cầu.

6.52. 59IEE431, Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp (3 tín chỉ)

Học phần Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của các chương trình đào tạo cử nhân của trường Đại học Sư phạm. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, giúp người học phát triển các kỹ năng để thực hiện đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp cho học sinh ở các trường phổ thông.

6.53. 59TWD432, Taekwondo nâng cao (3 tín chỉ)

Học phần Taekwondo nâng cao được xây dựng dựa trên cơ sở kế thừa những kiến thức của học phần Taekwondo mà sinh viên đã học. Nội dung giảng dạy nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục Thể chất những kỹ năng và hiểu biết sâu về môn Taekwondo (gồm các kỹ thuật nâng cao, luật thi đấu, bài quyền, phương pháp tổ chức dạy học Taekwondo). Sau khi học xong, sinh viên sẽ được trang bị đầy đủ những kiến thức và kỹ năng để tham gia các hoạt động như thi đấu, biểu diễn, trợ giảng tại các câu lạc bộ ngoại khóa và có cơ hội tiếp tục tập luyện để đạt đẳng cấp huấn luyện viên trong thời gian tiếp theo.

6.54. 59KRT432, Karate nâng cao (3 tín chỉ)

Học phần Karate nâng cao được xây dựng dựa trên cơ sở kế thừa những kiến thức của học phần Karate mà sinh viên đã học. Nội dung giảng dạy nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục Thể chất những kỹ năng và hiểu biết sâu về môn Karate (gồm các kỹ thuật nâng cao, luật thi đấu, bài quyền, phương pháp tổ chức dạy học Karate). Sau khi học xong, sinh viên sẽ được trang bị đầy đủ những kiến thức và kỹ năng để tham gia các hoạt động như thi đấu, biểu diễn, trợ giảng tại các câu lạc bộ ngoại khóa và có cơ hội tiếp tục tập luyện để đạt đẳng cấp huấn luyện viên trong thời gian tiếp theo.

6.55. 59VVN432, Vovinam nâng cao (3 tín chỉ)

Học phần Vovinam nâng cao được xây dựng dựa trên cơ sở kế thừa những kiến thức của học phần Vovinam mà sinh viên đã học. Nội dung giảng dạy nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục Thể chất những kỹ năng và hiểu biết sâu về môn Vovinam (gồm các kỹ thuật nâng cao, luật thi đấu, bài quyền, phương pháp tổ chức dạy học Vovinam,...). Sau khi học xong, sinh viên sẽ được trang bị đầy đủ những kiến thức và

kỹ năng để tham gia các hoạt động như thi đấu, biểu diễn, trợ giảng tại các câu lạc bộ ngoại khóa và có cơ hội tiếp tục tập luyện để đạt đẳng cấp huấn luyện viên trong thời gian tiếp theo.

6.56. 59ATH433, Điền kinh 3 (3 tín chỉ)

Điền kinh 3 là học phần trong chương trình đào tạo sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất của Khoa Thể dục thể thao bao gồm 2 nội dung: chạy tiếp sức và ném bóng, hai nội dung của môn Điền kinh có trong chương trình giáo dục thể chất ở trường phổ thông. Học phần Điền kinh 3 trang bị cho người học những kiến thức chung về khái niệm, sơ lược lịch sử, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; phương pháp kiểm tra, đánh giá; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của các nội dung trong môn Điền kinh 3. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất sức nhanh, mạnh và nền tảng thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.57. 59GTP904, Khoá luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài khoá luận tốt nghiệp, vận dụng các kiến thức chuyên ngành, các phương pháp nghiên cứu khoa học đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã được phê duyệt.

6.58. 59STM901, Phương pháp huấn luyện Thể thao (3 tín chỉ)

Học phần Phương pháp huấn luyện thể thao trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác huấn luyện trong lĩnh vực thể dục thể thao như: Các nguyên tắc và phương pháp huấn luyện; cách xây dựng, tổ chức và quá trình huấn luyện thể thao. Giúp sinh viên nâng cao hiểu biết và vận dụng vào công tác tuyển chọn, huấn luyện các môn thể thao ở cơ sở và trường học sau khi tốt nghiệp.

6.59. 59SMG901, Quản lý TDTT (3 tín chỉ)

Học phần Quản lý Thể dục thể thao trang bị cho người học những kiến thức đại cương về quản lý và quản lý Thể dục Thể thao; Cán bộ quản lý trong lĩnh vực Thể dục Thể thao; Hoạt động chỉ đạo, kiểm tra... hệ thống tổ chức, quản lý Thể dục Thể thao Việt Nam; Công tác tuyên truyền Thể dục Thể thao; Hoạt động dịch vụ Thể dục Thể thao. Từ những nội dung kiến thức này, người học có thể vận dụng vào công tác quản lý hoạt động Thể dục Thể thao quần chúng tại cơ sở và hoạt động Giáo dục Thể chất và Thể thao trường học.

6.60. 59APE901, Đánh giá trong GDTC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho học viên những vấn đề chung về lí luận cũng như thực hành về đánh giá trong giáo dục nói chung, trong dạy học môn GDTC nói riêng. Học phần khái quát về đánh giá trong giáo dục và dạy học môn GDTC, từ đó tập trung đề

cập đánh giá kết quả học tập; các nguyên tắc, phương pháp đánh giá, kỹ thuật xây dựng công cụ đánh giá; đánh giá trong dạy học môn GDTC. Thông qua môn học nhằm phát triển cho sinh viên các năng lực cần thiết để thiết kế và thực hiện các nhiệm vụ đánh giá trong giáo dục và dạy học môn GDTC ở trường phổ thông sau này.

6.61. 59SCC901, Giáo dục học TDTT (3 tín chỉ)

Môn Giáo dục học TDTT cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản nhất về lý luận giáo dục trong thể thao, phân tích bản chất của giáo dục, các qui luật, xu thế, triển vọng của nó. Trên cơ sở đó, nghiên cứu mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục con người trong hoạt động thể thao. Giúp sinh viên có được những hiểu biết quan trọng cần thiết về việc tổ chức, quản lý, giáo dục con người trong xã hội nói chung, trong thể thao nói riêng, đặc biệt chuẩn bị tốt cho tiềm lực lao động sư phạm và huấn luyện thể thao.

6.62. 59SHT901, Lịch sử TDTT (3 tín chỉ)

Môn Lịch sử thể dục thể thao là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm thể dục thể thao. Môn học cung cấp cho sinh viên sư phạm những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của thể dục thể thao qua các thời kỳ, các đại hội, thể vận hội ở trên thế giới và ở Việt Nam.

6.63. 59DCP901, Phát triển chương trình GDTC (3 tín chỉ)

Học phần phát triển chương trình Giáo dục thể chất cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết phát triển chương trình giáo dục, Một số quan điểm, cách tiếp cận và phương pháp thường gặp trong phát triển chương trình Giáo dục thể chất. Kết thúc học phần người học có thể vận dụng những kiến thức đã học vào việc xây dựng, phát triển chương trình ngành/môn học mà mình đảm nhiệm.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Mai Xuân Trường

TS. Đỗ Ngọc Cường